

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Bùi Xuân Nhân và Dương Hồng Hạnh** - Nghiên cứu tác động của các biến số marketing địa phương tới sự hài lòng của khách du lịch đến tỉnh Ninh Bình. **Mã số: 156. 1BMkt.11** 3
Research on the impact of local marketing variables on the satisfaction of tourists who visited Ninh Binh province
- 2. Đỗ Thị Hoa Liên và Hoàng Võ Hằng Phương** - Ứng dụng mô hình BVAR trong dự báo cầu lao động tỉnh Bến Tre. **Mã số: 156. 1HRMg.11** 15
Application of BVAR models in labour demand forecasting in Ben Tre province
- 3. Bùi Hoàng Ngọc, Phan Thị Liệu và Nguyễn Huru Khôi** - Ảnh hưởng của chỉ số phức tạp kinh tế lên dấu chân sinh thái: nghiên cứu trường hợp của Việt Nam. **Mã số: 156. 1GEMg.11** 25
The Impact of Economic Complexity Index on Ecological Footprint: Application to Vietnam
- 4. Bùi Quý Thuận** - Tác động của hiệp định thương mại tự do Việt nam - EAEU đến thương mại giữa Việt Nam và Nga. Mã số: 156. 1HIEM.11 36
Impact of the Vietnam - EAEU FTA on the trade between Vietnam and Russia

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 5. Phạm Đức Hiếu và Chu Thị Huyền** - Các nhân tố ảnh hưởng tới áp dụng kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam. **Mã số: 156. 2BAcc.21** 47
Factors Affecting the Application of Responsibility Accounting in Enterprises: A Case Study in Automobile Manufacturing Enterprises in Vietnam
- 6. Lưu Thị Thùy Dương và Vũ Thị Thùy Linh** - Các yếu tố tác động tới sự hài lòng của khách hàng sử dụng mobile banking: một nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam. **Mã số: 156. 2BMkt.21** 56
The Factors Affect on the Satisfaction of Customers Using Mobile Banking: An Empirical Study in Vietnam
- 7. Phạm Văn Tuấn và Nguyễn Minh Trang** - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới ý định tiêu dùng sản phẩm thời trang tái chế sáng tạo của giới trẻ Việt Nam. **Mã số: 156. 2BMkt.22** 69
Factors Affecting Young Consumers' Intention to Purchase Upcycled Fashion Products - A Case Study in Vietnam

- 8. Nguyễn Thị Lan** - OPEN BANKING – Hệ sinh thái ngân hàng mở: Xu thế phát triển trên thế giới và triển vọng ứng dụng tại Việt Nam. *Mã số: 156. 2FiBa.22* 81
Open banking ecosystem - its development trends around the World and its application prospects in Vietnam
- 9. Nguyễn Thị Hằng, Phạm Minh Đạt và Đinh Hồng Linh** - Nghiên cứu sự hài lòng của người học về chất lượng đào tạo tại các trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi số. *Mã số: 156. 2BMkt.21* 95
A study on satisfaction of learners about training quality standard at universities in the context of digital transformation

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 10. Lê Việt Hà** - Mô hình đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng đào tạo ngành: Ngành Hệ thống thông tin quản lý. *Mã số: 156. 3BMkt.31* 105
A model of assessing businesses satisfaction educational quality: A management Information Systems major

OPEN BANKING – HỆ SINH THÁI NGÂN HÀNG MỞ: XU THẾ PHÁT TRIỂN TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRIỂN VỌNG ỨNG DỤNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan

Trường Đại học Ngoại thương

Email: lan.nt@ftu.edu.vn

Ngày nhận: 25/06/2021

Ngày nhận lại: 27/07/2021

Ngày duyệt đăng: 30/07/2021

Mục đích của bài viết là đánh giá xu thế phát triển hệ sinh thái ngân hàng mở trên thế giới và khả năng ứng dụng tại Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự ứng dụng và phát triển hệ sinh thái ngân hàng mở tại Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu trên, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phân tích, tổng hợp và mô hình SWOT, dựa trên các nguồn dữ liệu thứ cấp đáng tin cậy để chỉ ra những lợi ích và rủi ro mà hệ sinh thái ngân hàng mở mang lại, xu hướng phát triển của nó trên thế giới và triển vọng ứng dụng tại Việt Nam, đánh giá các thách thức, rào cản mà các NHTM Việt Nam sẽ phải đối mặt khi chuyển đổi sang hệ sinh thái mở này. Trong bài nghiên cứu này tác giả còn đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy việc ứng dụng hệ sinh thái ngân hàng mở tại Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Ngân hàng mở; ứng dụng mở; hệ sinh thái ngân hàng mở;

JEL Classifications: G21; O16

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (còn gọi là CMCN 4.0) đang có những ảnh hưởng mạnh mẽ đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng (TC-NH). Trong đó, dấu ấn quan trọng là hình thành nên *hệ sinh thái ngân hàng mở (Open Banking Ecosystem)*. Hệ sinh thái này đã mở ra hướng phát triển mới và chủ động hơn cho các ngân hàng (NH) và các bên thứ ba cung cấp dịch vụ thanh toán. Trong đó, bên thứ ba cung cấp dịch vụ được quyền truy cập thông tin dữ liệu NH của khách hàng, thông qua các giao diện lập trình ứng dụng mở (Open APIs) đã khiến thay đổi hệ sinh thái của NH đi theo hướng thông minh và cởi mở hơn.

Chuyển từ hệ sinh thái NH đóng sang hệ sinh thái NH mở đang trở thành xu hướng tất yếu của các NH trên thế giới trong kỷ nguyên số (Priya Kantaria, 2019). Điều này cũng sẽ tác động lớn đến với hệ thống NHTM Việt Nam trong việc thay đổi tư duy hội nhập và tư duy tiêu dùng từ các kênh giao dịch truyền thống sang giao dịch số và mở. Sự dịch

chuyên này sẽ là bước đột phá quan trọng mang lại nhiều lợi ích cho các NH, cho khách hàng và nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh đó các NH cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức.

Hiện nay, thuật ngữ “ngân hàng mở” (Open Banking) dường như đang còn khá xa lạ ở Việt Nam, không phải NH nào cũng sẵn sàng đón nhận xu thế này. Các NH Việt Nam đang đứng trước một câu hỏi là: nắm bắt cơ hội để thay đổi và phát triển mạnh mẽ, vượt bậc trong kỷ nguyên số hay là buông xuôi để tụt hậu và chịu sự cạnh tranh, chèn ép của các công ty tài chính công nghệ (fintechs)? Do vậy, một yêu cầu đặt ra là: cần phải có các công trình nghiên cứu một cách toàn diện về hệ sinh thái NH mở, đánh giá xu thế phát triển của nó trên thế giới và khả năng ứng dụng tại Việt Nam, chỉ ra các cơ hội và những thách thức đối với các NH Việt Nam khi chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cần thiết, phù hợp để thúc đẩy sự ứng dụng và phát triển hệ sinh thái NH mở này tại Việt Nam, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của các NH Việt

Nam trong thời đại CMCN 4.0 và đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

Nhằm giải quyết các vấn đề trên, tác giả đã thực hiện nghiên cứu: “*Open banking - Hệ sinh thái ngân hàng mở - Xu thế phát triển trên thế giới và triển vọng ứng dụng tại Việt Nam*”. Bài nghiên cứu này nhằm đạt được 3 mục tiêu: (1) Đánh giá xu hướng ứng dụng “Open Banking” của các nước trên thế giới; (2) Chỉ ra những cơ hội và thách thức đối với các NH Việt Nam khi chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở, từ đó đánh giá triển vọng ứng dụng mô hình này tại Việt Nam; và (3) Đề xuất các khuyến nghị chính sách và hàm ý quản trị NH nhằm thúc đẩy sự ứng dụng và phát triển hệ sinh thái ngân hàng mở ở Việt Nam trong thời gian tới.

Với mục tiêu nghiên cứu nói trên, bài viết được cấu trúc bao gồm 4 phần: Phần 1- Giới thiệu vấn đề nghiên cứu; Phần 2 - Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu; Phần 3 - Kết quả nghiên cứu và Phần 4 - Khuyến nghị chính sách và hàm ý quản trị.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về “Open Banking”

Thế nào là “Open Banking”

Thuật ngữ “Open Banking” (tạm dịch là Ngân hàng mở) chính thức được nói đến là trong *Chi thị Dịch vụ Thanh toán sửa đổi¹* (The second Payment Services Directive - PSD2) của Liên minh Châu Âu (European Union - EU). Theo đó, mô hình “Open Banking” cho phép các bên cung cấp dịch vụ thanh toán thứ ba được quyền truy cập thông tin dữ liệu NH của khách hàng thông qua các giao diện lập trình ứng dụng mở (Open Application Programming Interfaces - Open APIs) làm phương tiện cho ứng dụng cung cấp dịch vụ tùy chỉnh và đạt được sự thương mại hóa dữ liệu. Trong mô hình này, NH sẽ phải thỏa thuận với khách hàng về việc cung cấp các thông tin tài chính của khách hàng cho bên thứ ba được ủy quyền và khách hàng cũng có thể tiếp cận các dữ liệu về sử dụng tài chính của mình.

“Open Banking” là một hệ sinh thái ngân hàng mở

Theo quy định của PSD2, NH sẽ là người cung cấp các dịch vụ thông qua các Open APIs và cùng các đối tác của mình là bên thứ ba được ủy quyền

xây dựng một hệ sinh thái mở nhằm thỏa mãn các yêu cầu của người dùng. Cụ thể, PSD2 quy định bao gồm 3 loại dịch vụ sau:

(1) *Dịch vụ bắt đầu thanh toán (Payment Initiation Services - PIS)*: giúp người tiêu dùng thực hiện thanh toán trực tuyến và thông báo ngay lập tức cho người bán về việc bắt đầu thanh toán, cho phép gửi hàng hóa ngay lập tức hoặc truy cập ngay vào các dịch vụ mua bán trực tuyến;

(2) *Dịch vụ thông tin tài khoản (Account Information Services - AIS)*: cung cấp cho người tiêu dùng và doanh nghiệp (DN) cái nhìn tổng quan về tình hình tài chính của họ bằng cách tổng hợp thông tin trên các tài khoản thanh toán khác nhau mà họ có thể có với một hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ thanh toán;

(3) *Phát hành các phương tiện thanh toán dựa trên thẻ (Issuance of card-based payment instruments)* bởi bên thứ ba - nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, yêu cầu xác nhận về khả năng nguồn tiền của khách hàng từ các tài khoản thanh toán khác nhau có còn đủ để thanh toán hay không.

Với việc ứng dụng giao diện lập trình (API) cho phép các bên thứ ba được quyền truy cập vào dữ liệu mở hay truy cập bảo mật đến các dữ liệu đóng của một tổ chức hay cá nhân khi được sự đồng ý của chủ sở hữu dữ liệu. Khi được chia sẻ thông qua hệ sinh thái Open API, dữ liệu có thể được các công ty Fintech sử dụng để tạo thêm nhiều ứng dụng mới, cung cấp thêm tiện ích cho khách hàng, hỗ trợ khách hàng kiểm soát tình hình tài chính cũng như ra quyết định tốt hơn.

Như vậy, với những dịch vụ nói trên, rõ ràng “Open Banking” được coi là một *hệ sinh thái ngân hàng mở*. Trong đó NH sẽ là người cung cấp các dịch vụ thông qua Open API và cùng các đối tác của mình là bên thứ ba được ủy quyền xây dựng một hệ sinh thái mở nhằm thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng. Hệ sinh thái này vừa mang lại tiện ích quản lý tài chính cá nhân, vừa tạo cơ hội tiếp cận dữ liệu của khách hàng cho các NH để gia tăng tính hiệu quả, tối ưu hóa yêu cầu sử dụng tài chính của khách hàng (xem hình 1).

1. Chi thị PSD2 của EU được thông qua bởi Nghị viện Châu Âu vào tháng 10/2015, mục tiêu của PSD2 nhằm tăng cường bảo vệ người tiêu dùng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao tính an toàn, bảo mật của các dịch vụ thanh toán trong Liên minh Châu Âu (EU). Chi thị sửa đổi này được công bố vào ngày 23/12/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 13/01/2016.



Nguồn: Solution Overview Simplify Open Banking Success, (WSO2 Inc, 2020)

Hình 1: Khái quát công nghệ ngân hàng mở (Comprehensive Open Banking)

Về tính an toàn của “Open Banking”

Theo *Chỉ thị Dịch vụ Thanh toán sửa đổi (PSD2)*, “Open Banking” là một hệ sinh thái có nền tảng dựa trên 3 cơ sở chính: Dữ liệu, giao diện lập trình ứng dụng (API) và bảo mật. Cụ thể:

- Cơ sở “*Dữ liệu*”: được chia thành 03 nhóm: đóng, mở và chia sẻ. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện truy cập được cấp bởi cá nhân hoặc DN.

- Cơ sở “*API*”: Tập hợp các giao thức và quy tắc cho phép hai ứng dụng kết nối với nhau, thông qua 03 loại API là: Công khai, đối tác và nội bộ. Các quy định về API cũng giảm thiểu các vấn đề về sự không thống nhất của các hệ thống.

- Cơ sở “*Bảo mật*”: Tiền đề của *Chỉ thị Dịch vụ thanh toán sửa đổi (PSD2)* là mong muốn việc khách hàng cá nhân quản lý tiền và thông tin an toàn hơn. Với việc sử dụng API và các nhóm “*Dữ liệu*”, người dùng được hưởng lợi từ việc tăng cường bảo mật vì có thể đặt giới hạn về thời gian truy cập, độ dài và phạm vi.

Mặt khác, cũng theo *Chỉ thị Dịch vụ Thanh toán sửa đổi (PSD2)*, khách hàng không nhất thiết bắt buộc người dùng tham gia “Open Banking”. Nếu thấy không an toàn, khách hàng cũng được quyền

rút lại quyền cho phép truy cập thông tin tài chính cá nhân bất cứ lúc nào. Đây không phải là hợp đồng ràng buộc giữa khách hàng và NH. Với những điều kiện ràng buộc trên, cho thấy “Open Banking” là hệ điều hành mở đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng nhưng về cơ bản vẫn đảm bảo tính an toàn thông tin đối với người sử dụng.

Về lợi ích và rủi ro khi chuyển đổi sang hệ sinh thái “Open Banking”

Những lợi ích to lớn

Theo các chuyên gia của TIBCO (2019), hệ sinh thái NH mở “Open Banking” có thể đem lại những lợi ích to lớn sau đây:

“Open Banking” cho phép kết nối dữ liệu (thông qua API) để chia sẻ thông tin giữa các bên một cách hiệu quả.

Trong hệ sinh thái NH mở, với “Open API” mang đến một giao diện kết nối giữa phần mềm với phần mềm, người dùng và NH có thể tận dụng hệ điều hành, các ứng dụng, các đơn vị tổng thể trong hai hệ thống có giao tiếp với nhau trong cung cấp các dữ liệu đầu vào, từ đó đưa ra những dữ liệu đầu ra và xác thực nhu cầu tương lai của các dịch vụ khác nhau. Chẳng hạn, việc WeChat kết nối với WeBank để phân tích dữ liệu người dùng, từ đó phát triển gói sản phẩm cho vay tiêu dùng trực tuyến. Thông qua các “Open API” ngân hàng cũng có thể xem xét dữ liệu giao dịch của khách hàng để xác định các sản phẩm và dịch vụ tài chính tốt nhất cho họ, chẳng hạn như tài khoản tiết kiệm mới sẽ tìm kiếm được lãi suất cao hơn tài khoản tiết kiệm hiện tại hoặc thẻ tín dụng khác có lãi suất thấp hơn.

Đối với NH, việc phát triển Open API là hướng tiếp cận giúp NH giải quyết được bài toán đa dạng dịch vụ tài chính, tiếp cận đến nhiều khách hàng khác nhau với chi phí về nhân lực, vật lực, tài chính và thời gian phát triển sản phẩm được rút ngắn đáng kể.

“Open Banking” giúp khách hàng có được cách nhìn toàn diện về khả năng tài chính của mình, từ đó giúp họ có được những quyết định có lợi nhất.

Trong mô hình NH truyền thống, khách hàng có thể thấy rằng không phải tất cả các tài khoản tài chính của họ đều tương thích với các dịch vụ thanh toán, khiến họ không có được bức tranh chân thực hoặc đầy đủ về tình hình tài chính của mình. Thông qua việc sử dụng các “Open API” của mô hình NH mở, các NH sẽ có bức tranh chính xác hơn về tình hình tài chính và mức độ rủi ro của khách hàng để đưa ra các điều khoản cho vay có lợi hơn. Nó cũng có thể giúp người tiêu dùng có một bức tranh chính xác hơn về tài chính của họ trước khi vay nợ. Chẳng hạn, một ứng dụng NH mở dành cho những khách hàng muốn mua nhà có thể tự động tính toán khả năng khách hàng có thể chi trả dựa trên tất cả thông tin trong tài khoản của họ, từ đó cung cấp một bức tranh đáng tin cậy hơn so với các hướng dẫn cho vay thể chấp hiện đang cung cấp. NH mở cũng có thể giúp các DN nhỏ tiết kiệm thời gian thông qua kế toán trực tuyến và giúp các công ty phát hiện gian lận giám sát tài khoản khách hàng tốt hơn và xác định vấn đề rủi ro sớm hơn.

“Open Banking” thúc đẩy sự cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

Trong hệ sinh thái “Open Banking”, nền tảng Open API - thực sự tập trung vào các mối quan tâm cốt lõi của người dùng. Do đó, người dùng có nhiều sự lựa chọn, so sánh và chuyển đổi nhà cung cấp dịch vụ tài chính. Điều này tạo cơ hội cạnh tranh công bằng cho các NH nhỏ, đi sau tuy có công nghệ cao nhưng thị phần khách hàng không lớn, thường tốn nhiều chi phí vào marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ. Từ đó đòi hỏi các NH lớn và lâu đời phải đổi mới để có được chi phí thấp hơn, sử dụng công nghệ tốt hơn và dịch vụ khách hàng tốt hơn.

Những rủi ro có thể gặp phải

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích to lớn nói trên, các chuyên gia của TIBCO (2019) cũng đã chỉ ra sự chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở có thể gặp phải những rủi ro sau:

- Rủi ro liên quan đến sự bảo mật về tài chính và các dữ liệu cá nhân của khách hàng.

Dịch vụ NH mở có thể mang lại lợi ích dưới dạng truy cập thuận tiện vào dữ liệu và dịch vụ tài chính cho người tiêu dùng và giảm bớt một số chi phí cho các tổ chức tài chính. Tuy nhiên, cũng như với bất kỳ dịch vụ dựa trên nền tảng kỹ thuật số nào, mô hình này luôn có khả năng vi phạm dữ liệu. Dịch vụ của “Open Banking” cũng tiềm ẩn rủi ro đối với quyền riêng tư tài chính của khách hàng sử dụng cũng như các trách nhiệm pháp lý đối với các tổ chức tài chính. Sự tồn tại của phần mềm độc hại được thiết kế bởi các nhà cung cấp ứng dụng bên thứ ba có thể xâm nhập vào tài khoản và xóa sạch dữ liệu của khách hàng cũng là một vấn đề rất đáng lo ngại. Ngoài ra, còn có rủi ro về việc các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán xử lý sai dữ liệu khách hàng của chính họ để đạt được lợi thế trên thị trường.

- Dữ liệu của khách hàng có thể bị bên thứ ba sử dụng sai mục đích để trục lợi.

Sự hợp nhất thị trường thực tế đã từng xảy ra và bị chỉ trích rộng rãi trong các dịch vụ dựa trên Internet khác, chẳng hạn như mua sắm trực tuyến, công cụ tìm kiếm và phương tiện truyền thông xã hội, trong đó người tiêu dùng và cơ quan quản lý cho rằng nó dẫn đến việc sử dụng sai dữ liệu của khách hàng bởi các “gã khổng lồ” công nghệ (Big tech) vì lợi ích của chính các công ty này. Việc các nhà cung cấp - bên thứ ba sử dụng sai mục đích dữ liệu tài chính cá nhân của khách hàng cũng là một nguy cơ rủi ro lớn đối với khách hàng.

Có thể nói, mặc dù có những rủi ro nhất định nhưng lợi ích của hệ sinh thái “Open Banking” là rất to lớn, các NH nhỏ, phi truyền thống sẵn sàng tham gia vào hệ sinh thái này để nâng cao khả năng cạnh tranh và về lâu dài sẽ có nhiều thành công hơn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu nghiên cứu

Tác giả tiến hành thu thập dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu từ các nguồn dữ liệu thứ cấp được công bố chính thức và có độ tin cậy cao. Cụ thể:

- Với các dữ liệu liên quan tới nguyên lý của hệ sinh thái NH mở, xu hướng ứng dụng trên thế giới, nghiên cứu chủ yếu sử dụng các dữ liệu trên website của Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB), TIBCO², WSO2 Inc³.

2. TIBCO là một công ty phần mềm của Mỹ chuyên thiết kế các phần mềm công nghệ số.

3. WSO2 là công ty toàn cầu chuyên cung cấp công nghệ mã nguồn mở, như cung cấp các phần mềm để tích hợp các giao diện lập trình ứng dụng (API), ứng dụng và dịch vụ web cục bộ và trên Internet.

- Đối với các dữ liệu liên quan đến thực tế triển khai ứng dụng hệ sinh thái NH mở tại Việt Nam, nghiên cứu sử dụng các dữ liệu trên website của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), NCSC, TTXVN, VTV24... Ngoài ra tác giả còn tổng hợp thông tin từ một số nghiên cứu được công bố trên các tạp chí uy tín của Việt Nam được Hội đồng giáo sư nhà nước công nhận.

2.2.2. Phương pháp phân tích

- Đối với mục tiêu (1) bài nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích định tính như: tổng hợp, phân tích dựa trên những dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy nói trên để tổng hợp và đánh giá xu hướng ứng dụng mô hình này của các nước trên thế giới.

- Đối với mục tiêu (2) nghiên cứu sử dụng mô hình SWOT để phân tích đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu trong nội tại hệ thống các NH Việt Nam, những cơ hội và thách thức đối với các NH Việt Nam trong việc chuyển từ hệ sinh thái đóng sang hệ sinh thái NH mở ở Việt Nam.

- Đối với mục tiêu (3), tác giả luận giải kết quả của mục tiêu (1) và (2) làm căn cứ đề xuất một số khuyến nghị chính sách và hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy sự chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở trong hệ thống NH Việt Nam thời gian tới.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Xu thế ứng dụng và phát triển hệ sinh thái “Open Banking” trên thế giới

Để nghiên cứu xu thế ứng dụng và phát triển hệ sinh thái “Open Banking” trên thế giới, tác giả đã lựa chọn những quốc gia tiêu biểu (EU, Anh, Mỹ, Trung Quốc, Nhật bản) và một số nước trong khu vực (Hồng Kông, Singapore) và một số nước khác (Ấn Độ, Brazil, Mexico). Cụ thể:

Tại Liên minh Châu Âu (EU): tháng 10/2015, Nghị viện châu Âu (EP) đã thông qua *Chỉ thị về dịch vụ thanh toán sửa đổi (PSD2)* để xây dựng nền tảng cho việc phát triển “Open Banking”. Theo lộ trình thì PSD2 đã luật hóa trong các quốc gia thành viên từ năm 2018, với việc cho phép các bên thứ ba thực hiện dịch vụ thanh toán dựa trên nền tảng của các định chế tài chính với sự đồng ý của khách hàng và vấn đề bảo mật được đặc biệt coi trọng (WSO2 Inc, 2020).

Tại Vương quốc Anh: Với việc đi đầu trong triển khai “Open Banking” do xuất phát từ nhu cầu tuân thủ pháp luật. Năm 2018, cơ quan quản lý cạnh tranh và điều hành thị trường (CMA) đã công bố báo cáo về thị trường NH bán lẻ, trong đó, yêu cầu 9 NH lớn (HSBC, Barclays, RBS, Standard Chartered, Bank of Ireland, Allied Irish Bank, Danske, Lloyds và Nationwide) bắt buộc phải công bố chuẩn dữ liệu, phát hành dữ liệu bảo mật để có thể dễ dàng chia sẻ trực tuyến với các bên thứ ba được ủy quyền. Tính đến cuối 2018, đã có 84% công ty dịch vụ tài chính tại Vương quốc Anh đầu tư vào các sản phẩm của “Open Banking”. Tại London, Công ty khởi nghiệp Sync đã mang lại thuận lợi cho người dùng khi cho phép quản lý tất cả các tài khoản tài chính của họ từ các NH khác nhau trong cùng một ứng dụng (WSO2 Inc, 2020).

Tại Hoa Kỳ, không giống như ở EU nơi được thúc đẩy bởi quy định của PSD2, “Open Banking” ở Hoa Kỳ được khởi đầu muộn hơn và dường như cách tiếp cận chủ yếu theo định hướng thị trường tự do. Nhiều NH Hoa kỳ hiện đang cam kết đầu tư nguồn lực lớn cho việc xây dựng hệ sinh thái NH mở của họ. Hiện nay, Hoa Kỳ chưa có luật điều chỉnh “Open Banking”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã khuyến nghị việc điều chỉnh hoạt động “Open Banking” có thể theo quy định tại *Mục 1033 của Đạo luật Dodd-Frank*, trong đó khẳng định khả năng người Mỹ có quyền cho phép bên thứ ba sử dụng dữ liệu tài chính của họ (Janice Brown, 2020).

Tại thị trường Trung Quốc, ngay từ năm 2013, NH Trung Quốc (Bank of China) đã công bố nền tảng NH mở, cung cấp một loạt các ứng dụng như thanh toán di động, đầu tư và quản lý tài sản, quản lý thẻ tín dụng, quản lý tài khoản và dịch vụ tài chính xuyên biên giới cũng như hơn 1.600 giao diện. Sau đó, các NH lớn bắt đầu khám phá các cách thức thông qua việc mở API, để đạt được kết nối giữa các dịch vụ tài chính và các lựa chọn của người dùng. Hiện nay, trên thị trường Trung Quốc ứng dụng nhắn tin, truyền thông xã hội WeChat đã tích hợp với Ngân hàng mở - WeBank. Từ đó, người dùng có thể sử dụng cả hai ứng dụng cùng lúc để sắp xếp các cuộc hẹn với bệnh viện, thanh toán hóa đơn

và gọi taxi. Webank đã tận dụng quyền truy cập để phân tích dữ liệu người tiêu dùng, hoạt động, thói quen chi tiêu và giao dịch tài chính của người dùng (WSO2 Inc, 2020).

Tại Hồng Kông (Trung Quốc): Vào tháng 7 năm 2018, Cơ quan quản lý Tiền tệ Hồng Kông (Hong Kong Monetary Authority - HMA) đã ban hành khung API sửa đổi cho NH mở. Khung này sẽ được thực hiện theo 4 giai đoạn nhằm mục đích khuyến khích cung cấp các dịch vụ chung, sáng tạo để nâng cao trải nghiệm của khách hàng sử dụng công nghệ. Tính đến thời điểm cuối năm 2020, Hồng Kông (Trung Quốc) về cơ bản đã hoàn thành được 2 giai đoạn đầu và đang tiếp tục triển khai 2 giai đoạn sau (TTXVN, 2019).

Tại Singapore: Trước năm 2016 đã có khá nhiều NH trên lãnh thổ Singapore triển khai ứng dụng Open API, trong đó điển hình là Ngân hàng DBS (DBS Bank Ltd) đã sở hữu nền tảng thanh toán điện tử phổ biến (chỉ sau Grab). DBS Bank Ltd cũng đã tung ra WeathChat, tính năng tương tự như Webank tại Trung Quốc khi cho phép người dùng thực hiện giao dịch tài khoản ngay trên tin nhắn Whatsapp/WeathChat. Để hỗ trợ và thúc đẩy ứng dụng “Open banking” tại Singapore, ngày 16/11/2016, Cơ quan tiền tệ Singapore và Hiệp hội các NH tại Singapore đã phát hành ấn phẩm “Finance-as-a-Service API Playbook” (gọi tắt là Playbook), trong đó đặt ra các nguyên tắc, tiêu chuẩn và quản trị cho việc sử dụng API, bao gồm tổng cộng 411 API riêng biệt. Playbook được coi là cuốn cẩm nang hướng dẫn toàn diện cho các định chế tài chính, các công ty fintech và các tổ chức quan tâm khác tại nước này trong việc ứng dụng và phát triển hệ thống dịch vụ dựa trên nền tảng các Open API, nó cũng được coi như một hướng dẫn tham khảo cho các nước trong khu vực ASEAN (Priya Kantaria, 2019).

Tại Nhật Bản: ngay từ năm 2016, mô hình “Open Banking” được một số NH lớn của Nhật triển khai ứng dụng, tuy nhiên mức độ ứng dụng mang tính tự phát. Tháng 5/2017, Luật Ngân hàng sửa đổi

đã quy định: bắt đầu từ năm 2019 các NH phải có các chính sách cụ thể để hợp tác với bên thứ ba cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử cũng như công bố các mốc thời gian để phát triển các API làm nền tảng kết nối (WSO2 Inc, 2020).

Như vậy, từ thực tế nói trên cho thấy: Xu hướng ứng dụng hệ sinh thái NH mở ở các nước trên thế giới xuất phát từ các nhu cầu khác nhau. Trong đó, Vương quốc Anh, Liên minh châu Âu (EU) và các quốc gia như Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Brazil, Mexico có xu hướng ứng dụng “Open banking” xuất phát từ việc đáp ứng các quy định pháp lý, trong khi đại diện của phần lớn NH ở Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ, Hồng Kông và Singapore lại được khởi xướng ứng dụng hệ sinh thái này bởi sự đổi mới công nghệ tài chính và được thúc đẩy bởi chính nhu cầu của thị trường (WSO2 Inc, 2020) (xem hình 2). Qua kinh nghiệm của các nước cho thấy để ứng dụng “Open banking” thì cần có sự nỗ lực đồng bộ từ chính các NHTM và sự trợ giúp pháp lý từ phía cơ quan quản lý nhà nước.

3.2. Đánh giá khả năng ứng dụng “Open Banking” tại Việt Nam

3.2.1. Phân tích ma trận SWOT

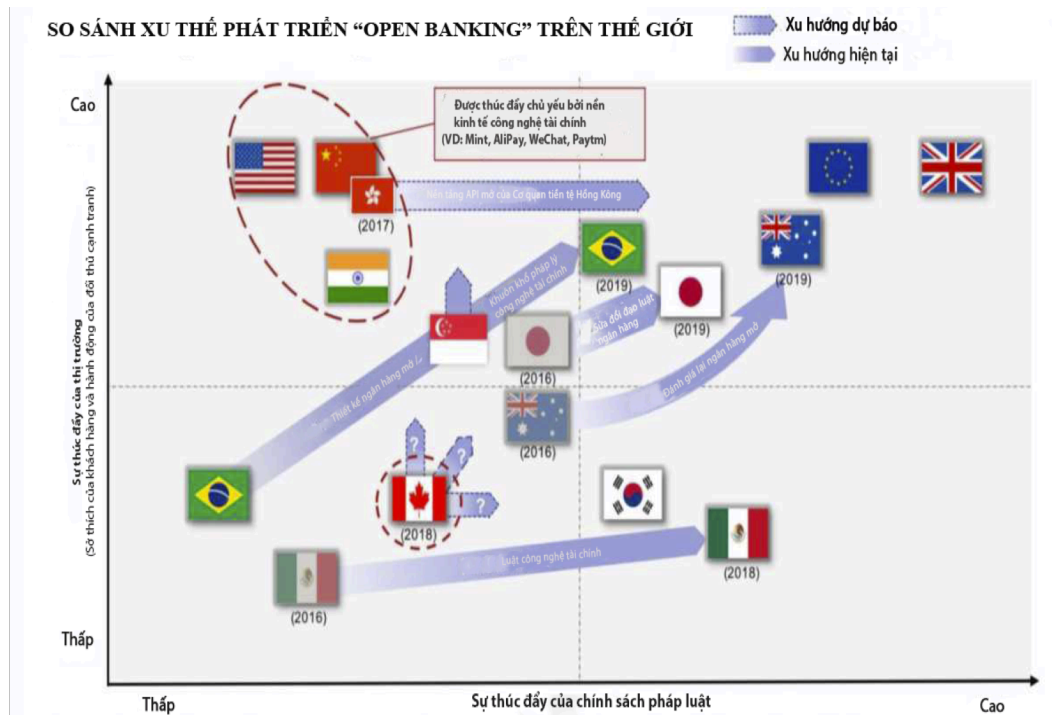
Để đánh giá khách quan hơn, sâu sắc hơn về khả năng ứng dụng “Open banking” tại hệ thống các NHTM Việt Nam, tác giả đã sử dụng mô hình SWOT⁴ để nghiên cứu và phân tích toàn diện các yếu tố từ bên trong và bên ngoài hệ thống NH, từ đó có thể đưa ra những khuyến nghị chính sách phù hợp và xác đáng nhất. Cụ thể:

S - Strengths - Điểm mạnh:

Đây chính là các yếu tố bên trong của các NH Việt Nam có tác động tích cực đến quá trình chuyển đổi từ mô hình NH truyền thống sang hệ sinh thái NH mở, đó là:

Phần lớn các NH Việt Nam đều có chiến lược số hóa hoạt động NH, là nền tảng quan trọng để các NH tham gia vào hệ sinh thái “Open Banking”. Theo đánh giá của NHNN (2018), có đến 94% NH bước đầu triển khai hoặc đang nghiên cứu, xây dựng chiến lược chuyển đổi số, trong đó 59% NH đã bắt

4. SWOT là từ viết tắt của Strengths (điểm mạnh), Weaknesses (điểm yếu), Opportunities (cơ hội) và Threats (thách thức)



Nguồn: Solution Overview Simplify Open Banking Success (WSO2 Inc, 2020)

Hình 2: So sánh xu thế phát triển “Open Banking” trên thế giới

đầu tiên khai chuyên đôi sô trên thực tế. Đã có nhiều NH xem NH số là trọng tâm phát triển, điển hình như: TPBank, VPBank, OCB, Techcombank... (Thùy Dương, 2019). Những số liệu nói trên cho thấy, hiện nay phần lớn các NH Việt Nam đang từng bước xây dựng và triển khai chiến lược chuyển đổi số. Đây chính là nền tảng quan trọng để các NH tham gia vào hệ sinh thái “Open Banking”.

Các NH đang từng bước thay đổi mô hình tổ chức phục vụ phát triển NH số và hệ sinh thái NH mở. Hiện nay, hầu hết các NH đã thành lập một đơn vị chuyên trách phát triển các dịch vụ số để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Điển hình như: VPBank với mô hình Timo, đây là mô hình hoàn toàn độc lập được triển khai bởi đối tác chiến lược của VPBank; BIDV đã thành lập Trung tâm NH số giúp BIDV xây dựng hệ sinh thái tài chính tiêu dùng cho khách hàng; MB và LienvietPostbank hình thành khối NH số...

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của nhiều NH đang từng bước được nâng cấp, bước đầu làm nền

tảng để ứng dụng hệ sinh thái NH mở. Có khá nhiều NH Việt Nam đã và đang thực hiện nâng cấp, thay thế hệ thống công nghệ NH lõi (Core banking) cũng như ứng dụng các công nghệ mới trong xử lý giao dịch, lưu trữ thông tin... từ đó làm nền tảng để ứng dụng NH số và phát triển hệ sinh thái NH mở. Chẳng hạn, TPBank ra mắt ứng dụng LiveBank, OCB với NH số OCB OMNI, Vietcombank với việc triển khai ứng dụng Digital Lab; Vietinbank đã thay thế thành công hệ thống “Core banking” thế hệ mới và vận hành kho dữ liệu DN (EDW) hiện đại; VPBank đã xây dựng NH số YOLO với hệ thống Core banking riêng, ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu của IBM để đồng bộ hóa dữ liệu khách hàng; TPbank ứng dụng trợ lý ảo T’Aio trên Facebook Messenger; MB cũng ứng dụng trợ lý ảo ChatBot phục vụ 24/7 trên mạng xã hội; BIDV thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo Watson trong phân tích dữ liệu khách hàng...

Bước đầu đã xuất hiện các mô hình hợp tác giữa NH và các fintech hay các Big tech. Sự hợp tác giữa NH và các fintechs có thể kể đến như Vietinbank hợp

tác với Opportunity Network (ON) trong cung cấp nền tảng số cho DN; Vietcombank và M-Service hợp tác trong thanh toán chuyên tiền; MBBank kết hợp với Startup Fintech cung ứng dịch vụ NH trong ứng dụng Messenger của Facebook, VIB kết hợp với công ty Fintech Weezi cung cấp sản phẩm MyVIB Keyboard; OCB hợp tác cùng Ripple Net; TPBank hợp tác cùng Backbase; Techcombank hợp tác với Fast cash đưa ra tính năng Fast mobile giúp chuyển tiền qua các công ty công nghệ lớn (Big tech) là Facebook và Google+... (MasOffer Fintech, 2021). Các mô hình hợp tác nói trên chính là biểu hiện bước đầu của triển khai ứng dụng “Open banking” mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng cũng như NH.

W - Weaknesses - Điểm yếu:

Đây cũng là các yếu tố bên trong của các NH Việt Nam nhưng chúng lại mang tính tiêu cực, bất cập khi chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở. Đó là:

- *Thiếu một nền tảng công nghệ hiện đại, năng lực tạo ra và quản lý API.* Theo các chuyên gia của TIBCO (2019), để triển khai được “Open Banking” không chỉ cần một nền tảng công nghệ hiện đại, mà còn bao gồm cả năng lực tạo ra và quản lý các API. Tuy nhiên, thực tế cho thấy: mặc dù đã có nhiều cải thiện nhưng nhìn chung năng lực tạo lập môi trường kết hợp được với điện toán đám mây, cũng như năng lực tạo ra và quản lý các “Open API” đang là một điểm yếu lớn đối với các NH Việt Nam.

- *Sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số và NH mở.* Thực tế cho thấy, việc ứng dụng và phát triển NH số và hệ sinh thái NH mở đòi hỏi phải có nguồn lao động chất lượng cao về công nghệ thông tin (CNTT). Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Võ Thị Phương (2019) và nhiều nghiên cứu khác cho thấy: một trong những điểm yếu lớn của các NH Việt Nam hiện nay là sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao về chuyển đổi số và công nghệ NH mở. Phần lớn nhân viên ngân hàng yếu về kỹ năng CNTT và ngoại ngữ (tiếng Anh) cũng không thành thạo. Các kỹ sư công nghệ tuy giỏi về CNTT nhưng kỹ năng về tài chính - ngân

hàng lại không cao, nên việc lập trình ứng dụng NH số gặp nhiều khó khăn (MasOffer Fintech, 2021). Đây chính là vấn đề đặt ra đối với các NH Việt Nam khi thực hiện chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở “Open banking”.

- *Năng lực bảo đảm sự an toàn thông tin của các NH vẫn còn hạn chế.* Theo số liệu của NCSC⁵ (2020), chỉ tính trong 6 tháng đầu năm 2020, cơ quan này đã ghi nhận 2.017 cuộc tấn công mạng tại Việt Nam, trong đó chủ yếu tấn công vào hệ thống thông tin của một số NH làm cho hàng trăm tỷ đồng đã bị các tin tặc (hacker) chiếm đoạt. Sang năm 2021, sự cố tấn công mạng còn trầm trọng hơn khi mà chỉ trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam đã hứng chịu tổng số 2.915 sự cố tấn công mạng, tăng gần 898 cuộc so với cùng kỳ năm ngoái và giảm 244 cuộc so với 6 tháng đầu năm 2019. Các cuộc tấn công mạng chủ yếu vẫn nhằm vào các ngân hàng, gây tổn thất khá nặng cho hệ thống NHTM Việt Nam (NCSC, 2021). Do vậy, một trong những vấn đề đặc biệt đáng quan tâm của ngành NH Việt Nam trong thời gian tới là phải đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hoạt động NH.

O - Opportunities - Cơ hội:

Đây là các yếu tố, tác nhân đến từ bên ngoài của các NH Việt Nam, chúng sẽ có ảnh hưởng tích cực, giúp cho các NH có thể sớm hoàn thành mục tiêu chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở. Có thể kể đến các cơ hội sau đây:

- *Sự chủ động vào cuộc của cơ quan quản lý nhà nước.* Để chủ động nắm bắt cơ hội, tránh bị tụt hậu so với thế giới, tận dụng tối đa các lợi thế, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực của CMCN 4.0 đối với Việt Nam, ngày 04 tháng 05 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đây chính là nền tảng pháp lý bước đầu để ngành NH triển khai các dịch vụ NH số và hệ sinh thái NH mở.

Với lĩnh vực NH, ngày 16/3/2017, Thống đốc NHNN đã ban hành *Quyết định số 328/QĐ-NHNN về việc thành lập Ban Chỉ đạo về lĩnh vực công nghệ*

5. Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) thuộc Cục An toàn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông).

tài chính của NHNN. Theo Quyết định này, một trong những nhiệm vụ chính của Ban Chỉ đạo là tham mưu đề xuất với Thống đốc các giải pháp nhằm xây dựng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua các “Open API”, từ đó hoàn thiện hệ sinh thái “Open Banking”, kể cả hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo thuận lợi cho các DN Fintech ở Việt Nam phát triển, phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ.

Để có thêm tư liệu thực tế phục vụ cho việc hoạch định khung pháp lý xây dựng hệ sinh thái “Open Banking” tại Việt Nam, tháng 6/2018, Cục Công nghệ thông tin của NHNN đã tiến hành khảo sát giao diện kết nối ứng dụng Open API trong lĩnh vực TC - NH. Nhiệm vụ cuộc khảo sát phải xác định được: Hiện trạng cung cấp, chia sẻ dữ liệu giữa NH với khách hàng và bên thứ ba; Nhu cầu về chuẩn kết nối chung cho ngành NH với các công ty Fintech. Tiếp theo, tháng 10/2018, Cục Công nghệ thông tin thuộc NHNN đã ký biên bản hợp tác chung với Cơ quan Xúc tiến CNTT Hàn Quốc (NIPA) và Viện Tài chính viễn thông và Thanh toán bù trừ Hàn Quốc (KFTC) về xây dựng giao diện Open API trong lĩnh vực NH. Đây là tiền đề để các NH tại Việt Nam hướng tới một hệ sinh thái “Open Banking” thống nhất, tạo sân chơi bình đẳng trong hệ thống NHTM Việt Nam.

Gần đây nhất, NHNN cũng đã ban hành *Thông tư số 16/2020/TT-NHNN* cho phép mở tài khoản thanh toán cá nhân bằng phương thức điện tử (eKYC); *Thông tư số 09/2020/TT-NHNN* quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động NH nhằm cập nhật các quy định mới của Luật An toàn thông tin mạng... Với việc hành lang pháp lý đang từng bước được hình thành là cơ sở giúp các NH ứng dụng và phát triển hệ sinh thái NH mở thuận lợi.

Nguồn khách hàng dồi dào và sự phát triển của hạ tầng số - tiềm năng ứng dụng của “Open banking”. Nghiên cứu của Thùy Dương (2019) cho thấy, Việt Nam được đánh giá là thị trường đầy tiềm năng, cơ hội cho phát triển NH mở với 97,4 triệu dân, cơ cấu dân số trẻ, đồng thời 72% dân số sở hữu điện thoại thông minh, 130 triệu thuê bao di động, 64 triệu người dùng Internet (chiếm 67% dân số).

Những số liệu nói trên cho thấy: Việt Nam là một nước có hạ tầng số phát triển khá mạnh, khi mức độ thâm nhập của các dịch vụ NH số được đẩy mạnh thì Việt Nam sẽ có tiềm năng lớn để thúc đẩy sự phát triển NH mở trong trung hạn hơn so với các quốc gia khác trong khu vực.

T - Threats - Thách thức:

Đây là các yếu tố đến từ bên ngoài các NH Việt Nam thường mang tính tiêu cực, là các thách thức cần được giải quyết trong quá trình xây dựng hệ sinh thái NH mở, đó là:

- *Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động ngân hàng mở còn chưa rõ ràng, mang tính chấp vá.* Hiện nay, khung pháp lý cho hoạt động và phát triển hệ sinh thái NH mở ở Việt Nam vẫn còn chưa rõ ràng, thiếu tính đồng bộ, mang tính chấp vá và thường đi sau sự phát triển khá nhanh của công nghệ. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng: Việt Nam hiện chưa có khung pháp lý về chia sẻ, khai thác và lưu trữ dữ liệu, tính bảo mật, quyền riêng tư, các nguyên tắc và tiêu chuẩn quản trị sử dụng các “Open API”, mô hình chuẩn kết nối giữa hệ thống các NHTM, các công ty Fintech có thể cung cấp dịch vụ thanh toán; các quy định về việc trao đổi dữ liệu mở và xử lý các rủi ro trong an ninh mạng có thể xảy ra với hệ sinh thái Open Banking...

- *Ứng dụng công nghệ NH mở đòi hỏi chi phí đầu tư lớn.* Để ứng dụng công nghệ NH mở đòi hỏi các NH phải có sự đầu tư lớn về mặt công nghệ số và nguồn nhân lực chất lượng cao để vận hành hệ thống tương thích với hệ sinh thái mới. Giải quyết bài toán này đòi hỏi chi phí đầu tư hệ thống công nghệ mới rất tốn kém, nhưng rủi ro lại khá cao do sản phẩm phần mềm công nghệ đang ứng dụng có nguy cơ bị thay thế sớm nếu xuất hiện những sản phẩm công nghệ mới cao hơn và nhiều tiện ích hơn. Do vậy, việc lựa chọn các gói công nghệ phù hợp để đầu tư và ứng dụng luôn là một thách thức lớn đối với các nhà quản trị NH Việt Nam.

- *Đại đa số người Việt Nam hiện tại vẫn có thói quen sử dụng tiền mặt trong thanh toán.* Theo một nghiên cứu của FT Confidential, ở Việt Nam có hơn 46% người được hỏi cho biết chỉ sử dụng tiền mặt khi thanh toán. Đây là mức cao hơn hẳn so với các quốc

Bảng 1: Ma trận SWOT

<p><u>S - Strengths - Điểm mạnh:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn các NH đều có chiến lược số hóa; - Các NH đang từng bước thay đổi mô hình tổ chức phục vụ NH số và hệ sinh thái NH mở; - Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của nhiều NH đang từng bước được nâng cấp; - Bước đầu đã xuất hiện các mô hình hợp tác giữa NH và các fintech hay các Big tech. 	<p><u>O - Opportunities - Cơ hội:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự chủ động vào cuộc của cơ quan quản lý nhà nước; - Nguồn khách hàng dồi dào và sự phát triển của hạ tầng số.
<p><u>W - Weaknesses - Điểm yếu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu một nền tảng công nghệ hiện đại, năng lực tạo ra và quản lý API; - Sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số và NH mở; - Năng lực bảo đảm sự an toàn thông tin vẫn còn hạn chế. 	<p><u>T - Threats - Thách thức:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung pháp lý cho NH mở còn chưa rõ ràng, mang tính chấp vá; - Ứng dụng công nghệ NH mở đòi hỏi chi phí đầu tư lớn; - Đại đa số người dân Việt Nam vẫn có thói quen sử dụng tiền mặt; - Tâm lý người dùng còn e ngại, coi nhẹ bảo mật thông tin cá nhân; - Thiếu hệ thống dữ liệu quốc gia có thể chia sẻ cho các bên.

Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên kết quả nghiên cứu.

gia như Philippines (34%) và các nước còn lại trong khối ASEAN (chỉ ở mức 20%) (Ngọc Lan, 2019).

- Tâm lý người dùng còn e ngại, coi nhẹ bảo mật thông tin cá nhân. Thực tế cho thấy: các trường hợp gian lận liên quan tới dịch vụ NH số gần đây diễn ra khá phổ biến ở Việt Nam, với các thủ đoạn tinh vi và mức độ ngày càng trầm trọng. Thực trạng này đã làm ảnh hưởng lòng tin của dân chúng đến sự an toàn của NH số, gây ra tâm lý e ngại của người dân trong việc tham gia vào hệ sinh thái NH mở. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân về các rủi ro trong giao dịch NH trực tuyến còn thấp, vẫn còn phần đông sinh viên, người lao động còn coi nhẹ bảo mật thông tin cá nhân khi cho người khác thuê thông tin (chứng minh thư, số điện thoại, địa chỉ...), tạo điều kiện cho bọn tội phạm lợi dụng các thông tin đó để tạo các tài khoản ảo để chiếm đoạt tiền của người khác, gây khó khăn trong điều tra tội phạm.

- Ngoài những thách thức nói trên, trong quá trình chuyển đổi sang mô hình NH mở, các NHTM

Việt Nam còn gặp phải những rào cản khác như: Việt Nam thiếu hệ thống dữ liệu quốc gia có thể chia sẻ cho các bên...

3.2.2. Đánh giá khả năng ứng dụng và phát triển “Open Banking” tại Việt Nam

Từ kết quả nghiên cứu nói trên có thể thấy rằng: Mô hình “Open Banking” hoàn toàn có khả năng ứng dụng và phát triển tại Việt Nam. Điều này trước hết xuất phát từ sự sẵn sàng đón nhận của các NHTM Việt Nam, phần lớn các NH Việt Nam đều có chiến lược số hóa hoạt động NH, các NH đang từng bước thay đổi mô hình tổ chức phục vụ NH số và hệ sinh thái NH mở; Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của nhiều NH đang từng bước được nâng cấp và bước đầu đã xuất hiện các mô hình hợp tác giữa NH và các fintech hay các Big tech. Đây là nền tảng quan trọng để các NH tham gia vào hệ sinh thái “Open Banking”.

Hệ sinh thái NH mở còn có khả năng phát triển ở Việt Nam khi mà thị trường Việt Nam hiện nay

đang có nguồn khách hàng dồi dào và tiềm năng, cơ sở hạ tầng số về mạng Internet của Việt Nam phát triển mạnh so với các nước trong khu vực đến sự chủ động vào cuộc của NHNN trong việc xây dựng chiến lược chuyển đổi số và phát triển các chương trình ứng dụng dựa trên nền tảng “Open API” và quan trọng là xu hướng này rất phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ trong thời đại CMCN 4.0.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng đã cho thấy: Việc chuyển đổi từ mô hình NH truyền thống sang hệ sinh thái NH mở “Open Banking” của các NH Việt Nam còn tồn tại nhiều rào cản, thách thức cần được giải quyết, đó là: Khung pháp lý cho hoạt động NH mở còn chưa rõ ràng, mang tính chấp vá, nhiều bất cập; Ứng dụng công nghệ NH mở đòi hỏi chi phí đầu tư lớn; Đa đa số người dân Việt Nam vẫn có thói quen sử dụng tiền mặt; Tâm lý người dùng còn e ngại, coi nhẹ bảo mật thông tin cá nhân và Việt Nam đang thiếu hệ thống dữ liệu quốc gia có thể chia sẻ cho các bên. Thêm vào đó là còn tồn tại một số yếu kém đến từ nội tại các NH Việt Nam như: các NH đang thiếu một nền tảng công nghệ hiện đại cũng như năng lực tạo ra và quản lý API; Thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số hay NH mở và năng lực bảo đảm sự an toàn thông tin của các NH nhìn chung vẫn còn hạn chế...

Những yếu kém và rào cản, thách thức nói trên đặt ra cho các NHTM Việt Nam yêu cầu là: để ứng dụng và phát triển “Open Banking” tại Việt Nam, cần có một hệ thống các biện pháp đồng bộ từ cơ quan quản lý nhà nước đến các NHTM để giải quyết các rào cản, bất cập yếu kém nói trên.

4. Khuyến nghị chính sách và hàm ý quản trị

4.1. Khuyến nghị chính sách

Để thúc đẩy sự triển khai ứng dụng và phát triển “Open Banking” tại Việt Nam, cần có một hệ thống các biện pháp đồng bộ từ cơ quan quản lý, đó là:

Thứ nhất, cần sớm tạo dựng và hoàn thiện khung pháp lý về hệ sinh thái NH mở. Đây là điều kiện, tiền đề quan trọng nhất để chuyển đổi thành công từ mô hình NH truyền thống sang mô hình NH mở tại Việt Nam. Trong đó, cần tập trung hoàn thiện các nội dung quan trọng⁶ đó là: Trách nhiệm và quyền hạn của các bên (NH, khách hàng và bên thứ ba được ủy quyền) trong việc cung cấp, truy cập và sử dụng dữ liệu cá nhân của khách hàng thông qua các API; Tiêu chuẩn và cách xác thực các bên cung cấp dịch vụ thứ ba được ủy quyền được phép truy cập dữ liệu cá nhân của khách hàng⁷; Tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể cho các Open API để đảm bảo kết nối thành công giữa NH và các bên thứ ba; Xác định rõ các hình thức xác thực bảo mật cho khách hàng khi họ truy cập hay thực hiện thanh toán thông qua bên thứ ba được ủy quyền; Trách nhiệm của NH trong quản lý rủi ro khi khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến với bên thứ ba.

Thứ hai, nâng cao chất lượng hạ tầng công nghệ làm nền tảng ứng dụng “Open banking”. Chính phủ cần đẩy mạnh đổi mới và ứng dụng các công nghệ hiện đại của CMCN 4.0 (trí tuệ nhân tạo - AI, vạn vật kết nối - Internet of Things (IoT), dữ liệu lớn - Big data, chuỗi khối - Blockchain) thông qua việc xây dựng và hoạch định chiến lược về phát triển CNTT của khu vực TC-NH. Chính phủ cũng cần nâng cao năng lực của hạ tầng CNTT, đặc biệt là nâng cấp hạ tầng Internet lên mạng 5G làm nền tảng ứng dụng “Open banking”.

Thứ ba, cần chú trọng, đẩy mạnh hoạt động an ninh mạng để hạn chế rủi ro cho hoạt động NH mở. Trong đó, Chính phủ cần kiện toàn bộ máy chuyên trách về an ninh thông tin trong các tổ chức tín dụng. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an ninh CNTT ngành NH. Chia sẻ thông tin và hỗ trợ hoạt động đảm bảo an toàn, an ninh mạng của ngành NH bằng cách phối hợp với các cơ quan chức năng: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an,

6. Về các nội dung này có thể tham khảo quy định của Chỉ thị về dịch vụ thanh toán sửa đổi (PSD2) của EU và Sách hướng dẫn (Playbook) của Singapre.

7. Về các tiêu chuẩn này có thể tham khảo Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (General Data Protection Regulation - GDPR) của Liên minh Châu Âu (EU).

Bộ Quốc phòng và các tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng CNTT. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân viên trong ngành NH và người dân trong việc nhận diện và giảm thiểu các rủi ro của hoạt động NH trên không gian mạng.

Thứ tư, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành TC-NH, trong đó chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về CNTT. Đây là yếu tố then chốt bảo đảm chuyển đổi thành công sang hệ sinh thái NH mở. Phát triển nguồn nhân lực đòi hỏi sự kế thừa, sáng tạo liên tục, đặc biệt trong những thời điểm chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở. Điều này xuất phát từ sự phát triển, thay đổi nhanh chóng của công nghệ NH. Trong giai đoạn trước mắt, NHNN cần tập trung đẩy mạnh thực hiện “Kế hoạch triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (ban hành kèm theo Quyết định số 1537/QĐ-NHNN ngày 17/7/2019 của NHNN).

Thứ năm, xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia có thể chia sẻ cho các bên. Đẩy mạnh triển khai xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung về dân cư và quốc gia trên cơ sở Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 04/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường phối hợp triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu này mỗi người dân sẽ có một định danh duy nhất để có thể dễ dàng chia sẻ cho các bên.

Thứ sáu, thúc đẩy dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của DN và người dân. Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ, đẩy mạnh truyền thông thúc đẩy dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của DN và người dân, phát triển thương mại điện tử và hệ sinh thái ngân hàng mở, hỗ trợ cho thanh toán điện tử, nghiên cứu và phát triển các nền tảng thanh toán điện tử không qua ngân hàng, dựa trên số điện thoại di động hay căn cước công dân.

Thứ bảy, đẩy mạnh công tác truyền thông, có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các NHTM trong quá trình chuyển đổi sang mô hình ngân hàng mở. NHNN cần tăng cường tổ chức các hội thảo, chuyên đề khoa học công nghệ NH để nâng cao nhận thức của người dùng về NH mở; Tư vấn, hỗ trợ NH xây

dựng lộ trình chiến lược, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang mô hình NH mở.

4.2. Hàm ý quản trị

Đối với các NHTM

Nhằm phát triển hệ sinh thái “Open Banking” tại Việt Nam, các NHTM cần triển khai thực hiện các giải pháp về mặt quản trị sau đây:

Một là, xây dựng chiến lược và lộ trình phù hợp để chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở, coi chuyển đổi số như là một nhân tố tạo sự khác biệt tăng tính cạnh tranh, cần xác định chuyển đổi số song song với xây dựng hệ sinh thái ngân hàng mở. Các NH cần phải đưa ra lựa chọn chiến lược chuyển đổi số dựa trên vị thế thị trường của chính họ và hạn chế tối đa rủi ro cho NH mình. Trong đó, các NH cần phải xác định rõ mục tiêu, phương pháp chuyển đổi phù hợp với thực tiễn và cơ sở hạ tầng công nghệ, nhân sự, mạng lưới sẵn có của NH. Các NH cần sắp xếp các hạng mục ưu tiên trong đầu tư để hoàn thiện công nghệ lõi theo thứ tự trước khi hoàn toàn tập trung vào phát triển sản phẩm và dịch vụ mới của hệ sinh thái NH mở.

Hai là, tập trung xây dựng kho dữ liệu tập trung tiện ích. Dữ liệu và tận dụng dữ liệu chính là điểm khác biệt cốt lõi, quyết định thành công của quá trình chuyển đổi sang mô hình NH mở. Các NHTM Việt Nam cần đặc biệt coi trọng xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung của các NH và các công ty fintech tạo điều kiện để các bên có thể truy cập, thu thập dữ liệu dễ dàng và đầy đủ hơn, phân quyền truy cập đối với những thông tin bảo mật.

Ba là, coi trọng và đầu tư thỏa đáng cho công nghệ bảo đảm tính an toàn. Đảm bảo sự an toàn cho người sử dụng được coi là vấn đề sống còn của hệ sinh thái NH mở. Các NH cần xây dựng trung tâm điều hành an ninh mạng để theo dõi, giám sát và ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm nhập, tấn công mạng. Đồng thời, cần đầu tư thỏa đáng cho công nghệ tiên tiến để bảo đảm an toàn cho người sử dụng. Hiện nay đã có khá nhiều các tiêu chuẩn bảo mật cao như OAuth2, HTTPS, JWT, HMAC, XML sig, Kerberos, CORS, WS-I, ISO 27001, các NH có thể lựa chọn các tiêu chuẩn bảo mật phù hợp với NH mình (TIBCO, 2019). Bên cạnh đó, các NH và

TGTC cũng cần áp dụng các nền tảng công nghệ tài chính tiên tiến như: chuỗi khối (blockchain) và trí tuệ nhân tạo (AI) để quản lý tài sản và phát hiện sự gian lận.

Bốn là, cần định vị phù hợp về công nghệ, chiến lược, sản phẩm cho NH mình và xu hướng phát triển chung. Trong thời gian tới, công nghệ TC-NH sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, khi lựa chọn công nghệ cho NH mở, các NH cần nghiên cứu kỹ càng để định vị phù hợp về công nghệ, chiến lược, sản phẩm cho NH mình và xu hướng phát triển chung trên thế giới. Đồng thời các NH cần phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo có uy tín để bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao năng lực cho nhân viên thích ứng và làm chủ công nghệ mới.

Năm là, NH cần lựa chọn các hình thức hợp tác phù hợp với các công ty fintechs để có thể tận dụng lợi thế của các công ty fintech giúp ứng dụng “Open Banking” nhanh và thuận tiện hơn. Lựa chọn các công ty fintech phù hợp và uy tín để không ảnh hưởng đến niềm tin của khách hàng và vị thế của NH mình, luôn đảm bảo an toàn cho NH và toàn hệ thống. Đồng thời các NH cần rõ thể mạnh và điểm yếu cũng như sự khác biệt giữa công ty fintech và NH từ đó có giải pháp dung hòa sự khác biệt để tối ưu hóa các điểm mạnh của fintech.

Sáu là, các NH phải đảm bảo có quy trình thẩm định chi tiết, quản trị rủi ro và theo dõi liên tục các hoạt động do bên thứ ba đảm nhiệm (các công ty fintech). Hợp đồng hợp tác giữa các NH với bên thứ ba phải nêu rõ trách nhiệm về vấn đề kiểm toán. Các NH phải duy trì kiểm soát các dịch vụ thuê ngoài theo tiêu chuẩn tương tự như các hoạt động trong nội bộ NH.

Đối với các công ty Fintech

Một là, cần phải tìm hiểu tường tận về định hướng, chiến lược, khẩu vị rủi ro, vị thế cũng như thị phần của NH đối tác để phát triển sản phẩm phù hợp với sứ mệnh và giá trị cốt lõi của NH đối tác cũng như của riêng công ty mình.

Hai là, cần tận dụng những lợi thế của NH như: uy tín, danh tiếng, sự chuyên nghiệp và đặc biệt là nguồn khách hàng tiềm năng. Cơ sở khách hàng này cùng với dữ liệu lớn (Big data) sẽ cho phép các công

ty fintech tiếp xúc được với các khách hàng tiềm năng, tìm hiểu khách hàng cũng như mang đến cho khách hàng những sản phẩm ngày càng phù hợp và tiện ích.

Ba là, cần sử dụng công nghệ cao, phù hợp để tăng cường mức độ tiếp cận với khách hàng tiềm năng; đảm bảo chất lượng dịch vụ cao, an toàn với chi phí hợp lý; sử dụng nhiều hình thức quảng bá (PR) phong phú để khách hàng biết đến các sản phẩm tài chính của công ty mình nhiều hơn. Không ngừng cải tiến công nghệ và sáng tạo hơn trong các sản phẩm, bởi chính là lợi thế cạnh tranh của các công ty fintech từ đó thu hút sự hợp tác của các NH để phát triển hình thái NH mở.

Kết luận

Hiện nay, ngành NH đang bước vào kỷ nguyên mới, đó là kỷ nguyên NH số (Digital Bank), trong đó hệ sinh thái NH mở (Open banking) sẽ làm thay đổi căn bản mô hình kinh doanh, tiếp thị, kiểm soát rủi ro và xu hướng phát triển của các NHTM. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng: Thiết lập một hệ sinh thái NH mở đang dần trở thành một chuẩn mực trong cuộc cách mạng đổi mới ngành NH trên phạm vi toàn cầu trong thời đại CMCN 4.0 và phần lớn các NH đều bày tỏ sự sẵn sàng nắm bắt cơ hội này. Chuyển đổi từ mô hình NH truyền thống sang mô hình “Open banking” đang là cơ hội cho ngành NH Việt Nam đổi mới và phát triển vượt bậc. Việc chuyển đổi sang mô hình NH mở đòi hỏi sự đổi mới đồng bộ từ tầm nhìn chiến lược của lãnh đạo Nhà nước đến năng lực công nghệ và quản trị của các NHTM và các fintech, trong đó cần xác định mục tiêu lấy trải nghiệm khách hàng là trung tâm. Ngoài ra, để có thể tiếp cận nhanh hơn mô hình mới này, các NHTM cần tận dụng các kiến thức chuyên môn từ học hỏi kinh nghiệm quốc tế, kết hợp với điều kiện thực tiễn để đưa ra định hướng, chiến lược và xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp nhất. Các NH cần thiết phải sử dụng đội ngũ tư vấn chuyên môn cao, sẵn sàng một kế hoạch đầu tư vào công nghệ chuyển đổi số hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao và hợp tác với các công ty fintech để đảm bảo sự thành công trong quá trình chuyển đổi sang hệ sinh thái NH mở này. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/05/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc CMCN 4.0.*

2. ECB (2018), *The revised Payment Services Directive (PSD2) and the transition to stronger payments security*, Truy cập tại: <https://www.ecb.europa.eu> ngày 15/3/2021.

3. Janice Brown (2020), *Open Banking in the U.S.: Ready for Business? Part 1.* Truy cập tại: <https://smarpayments.com/banking/open-banking-in-the-u-s-ready-for-business-part-1/>, ngày 20/7/2021.

4. MasOffer Fintech (2021), *Báo cáo thị trường Fintech Việt Nam 2020.* Truy cập tại: <https://fintech.masoffer.com/vi/bao-cao-thi-truong-fintech-viet-nam-2020/7814/>, ngày 28/7/2021.

5. NHNN (2019), *Quyết định số 1537/QĐ-NHNN ngày 17/7/2019 về việc Phê duyệt Ban hành Kế hoạch triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*

6. Ngọc Lan (2019), *3 thách thức với ngân hàng số*, Truy cập tại: <https://tapchitaichinh.vn>, ngày 15/03/2021.

7. Priya Kantaria (2019), *What is open banking and why does it matter to business?* Truy cập tại: <https://www.verdict.co.uk/what-is-open-banking-in-business/>, ngày 12/7/2021.

8. Thùy Dương (2019), *Phát triển ngân hàng số thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, Truy cập tại: <https://tapchitaichinh.vn>, ngày 12/3/2021.

9. IBCO (2019), *What is Open Banking?*, Truy cập tại: <https://www.tibco.com/reference-center/what-is-open-banking>, ngày 12/3/2021.

10. TTXVN (2019), *Bạn hiểu thế nào về khái niệm “Open Banking” (Ngân hàng mở)?*, Truy cập tại: <https://baotintuc.vn/thong-cao-bao-chi>, ngày 12/3/2021.

11. Tường vi (2020), *Năm 2021, ngành tài chính - ngân hàng cần đặc biệt quan tâm đến an ninh mạng.* Truy cập tại: <https://kinhtevadubao.vn/nam-2021-nganh-tai-chinh-ngan-hang-can-dac-biet->

[kinh-tevadubao.vn/nam-2021-nganh-tai-chinh-ngan-hang-can-dac-biet-](https://kinhtevadubao.vn/nam-2021-nganh-tai-chinh-ngan-hang-can-dac-biet-) quan-tam-den-an-ninh-mang-12652.htm , ngày 22/7/2021.

12. Võ Thị Phương (2019), *Triển vọng nguồn nhân lực ngành ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0*, Truy cập tại: <https://tapchitaichinh.vn>, ngày 12/7/2021.

13. WSO2 Inc, (2020), *Solution Overview Simplify Open Banking Success*, Tài liệu hội thảo về Công nghệ ngân hàng trong kỷ nguyên số, do Coopbank tổ chức, năm 2020.

14. Các website:

<https://www.sbv.gov.vn>;

<http://chinhphu.vn>;

<https://www.mic.gov.vn>;

<https://www.ais.gov.vn>.

Summary

The purpose of the article is to evaluate the development trend of the open banking ecosystem in the world and its applicability in Vietnam, on that basis proposing some solutions to promote the application and development of the open banking ecosystem in Vietnam. To accomplish the mentioned objectives, the author used the following research methods: analyzing, synthesizing and SWOT model, based on reliable secondary datas to point out the benefits and risks of the open banking ecosystem, its development trends around the world and its application prospects in Vietnam, assessing challenges and barriers that Vietnamese commercial banks will face when transitioning to this open ecosystem. Last but not least, the author proposed various suggestions to promote the application of the open banking ecosystem in Vietnam in the coming time.